

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TRÀ VINH  
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 61/2023/HS-ST  
Ngày: 26-12-2023

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Thơ.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Cao Minh Sơn.

Ông Lê Hoàng Dũng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Vũ Lăng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Phan Hoàng Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 59/2023/TLST-HS, ngày 10 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2023, đối với bị cáo:

Trương Văn L, sinh ngày 18/4/1994, tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh T; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Trương Văn R, sinh năm 1951 và bà Mai Thị B, sinh năm 1952; anh, chị ruột có 05 người, lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất là bị cáo; tiền sự: không; tiền án: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/8/2023 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

- **Bị hại:** Ông Lâm Thanh B, sinh năm 1992 (Có mặt).

Nơi cư trú: khóm Q, phường A, thành phố T, tỉnh T.

- **Người làm chứng:**

1. Ông Thạch S, sinh năm 1989 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Số 328, khóm W, phường S thành phố T, tỉnh T.

2. Ông Sơn T, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh T.

3. Ông Nguyễn Hồng V, sinh năm 1986 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp H, xã P, huyện C, tỉnh T.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 07 giờ ngày 26/5/2023, bị cáo Trương Văn L và bị hại Lâm Thanh B cùng làm việc tại công trình thi công quán Lau Hồng thuộc khóm Q, phường A, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Lúc này, bị cáo L yêu cầu bị hại B đưa cái ghế mà bị hại B đang ngồi để bị cáo L lấy làm việc nhưng bị hại B không đồng ý. Hai bên xảy ra cự cãi dẫn đến đánh nhau thì được anh Thạch S và anh Sơn T đang làm ở gần đó can ngăn. Sau đó, bị cáo L bỏ đi xuống phía sau công trình nhưng bị hại B vẫn tiếp tục chửi mắng bị cáo, do tức giận nên bị cáo đã lấy cây dao mác, dài 52cm, có cán bằng gỗ, màu nâu, dài 29cm, lưỡi dao bằng kim loại, màu đen, dài 23cm, có một cạnh sắc bén, mũi dao nhọn cầm trên tay phải đi về phía bị hại B. Thấy bị cáo L cầm dao mác tiến đến nên bị hại B cũng nhặt tấm ván gỗ dài khoảng 50cm để tự vệ. Khi hai người đứng đối diện cách nhau khoảng 1.2 mét thì bị cáo L cầm dao bằng hai tay chém về phía bị hại theo hướng từ trên xuống. Do bị hại cầm tấm ván gỗ đỡ nên bị cáo L chém 02 lần đều trúng vào tấm ván gỗ và làm tấm ván rơi xuống đất. Lúc này, bị cáo không dừng lại mà tiếp tục chém thêm 01 cái nữa về phía bị hại B, do tấm ván đã bị rơi nên bị hại B đưa tay trái lên đỡ thì bị cây dao mác chém trúng gây thương tích và chảy nhiều máu. Sau đó, bị hại B được những người xung quanh đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Trà Vinh.

Tại Giấy chứng nhận thương tích số: 217 ngày 21/6/2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Trà Vinh chứng nhận: Lâm Thanh B (sinh năm 1992, CCCD số: 084092003662, cấp ngày 30/5/2022, nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH) vào viện lúc 07 giờ 50 phút ngày 26/5/2023, ra viện ngày 27/5/2023. Lý do vào viện: Vết thương phức tạp cẳng tay (T) khai do bị chém.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 234/2023/KLTTCT-TTPY ngày 19/7/2023 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Trà Vinh kết luận: Căn cứ Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, giám định Pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của nạn nhân Lâm Thanh B tại thời điểm giám định là: 13% (Mười ba phần trăm).

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án:
- + Về tình tiết tăng nặng: Không.
- + Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội.

- Những tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án: Đối với ông Nguyễn Hồng V, là chủ sở hữu của cây dao mác, tại thời điểm xảy ra vụ án, bị cáo L đã tự ý lấy cây dao mác gây thương tích cho bị hại B. Việc này ông V hoàn toàn không biết nên không xem xét xử lý. Sau khi xảy ra vụ việc, ông Vân đã giao nộp cây dao mác cho Cơ quan Công an và không có yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết.

- Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng: Ngày 10/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh đã tạm giữ: 01 (Một) cây dao, loại dao mác, dài 52cm; có cán bằng gỗ, màu nâu, dài 29cm; lưỡi dao bằng kim loại, màu đen, dài 23cm, có một cạnh sắc bén, mũi dao nhọn.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lâm Thanh B yêu cầu bị cáo L bồi thường trách nhiệm dân sự với số tiền là 33.374.701 đồng (Ba mươi ba triệu, ba trăm bảy mươi bốn nghìn, bảy trăm lẻ một đồng). Trong đó: Chi phí điều trị thương tích là 9.074.701 đồng (Chín triệu, không trăm bảy mươi bốn nghìn, bảy trăm lẻ một đồng) và tiền ngày công lao động trong 03 (Ba) tháng là 24.300.000 đồng (Hai mươi bốn triệu, ba trăm nghìn đồng). Hiện tại, bị cáo L và gia đình của bị cáo chưa bồi thường.

Tại Bản cáo trạng số: 57/CT-VKS-HS ngày 09/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh đã truy tố Trương Văn L về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo Trương Văn L phạm tội “Cố ý gây thương tích” như Bản cáo trạng đã nêu. Sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết, chứng cứ của vụ án và nhân thân của bị cáo. Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trương Văn L từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù đến 03 (Ba) năm tù. Buộc bị cáo Linh bồi thường cho bị hại anh Lâm Thanh B số tiền là 33.374.701 đồng (Ba mươi ba triệu, ba trăm bảy mươi bốn nghìn, bảy trăm lẻ một đồng). Trong đó: Chi phí điều trị thương tích là 9.074.701 đồng (Chín triệu, không trăm bảy mươi bốn nghìn, bảy trăm lẻ một đồng) và tiền ngày công lao động trong 03 (Ba) tháng là 24.300.000 đồng (Hai mươi bốn triệu, ba trăm nghìn đồng). Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo L bồi thường cho bị hại B với số tiền 33.374.701 đồng (Ba mươi ba triệu, ba trăm bảy mươi bốn nghìn, bảy trăm lẻ một đồng). Đồng thời đề nghị xử lý tang vật chứng và buộc bị cáo nộp án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra Công an thành phố Trà Vinh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh và Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi, quyết định tố tụng đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật, không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng và việc xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Xét thấy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh truy tố bị cáo Trương Văn L về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là phù hợp quy định của pháp luật, không oan không sai.

[4] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Vào khoảng 07 giờ ngày 26/5/2023, tại công trình thi công quán Lau Hồng thuộc khóm 8, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, bị cáo và bị hại B có cự cãi nhau dẫn đến bị cáo dùng dao (loại dao mác) là hung khí nguy hiểm chém trúng vào cánh tay trái bị hại B dẫn đến gây thương tích cho bị hại Bền với tỷ lệ thương tật là 13% (*Mười ba phần trăm*). Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và tang vật chứng đã thu giữ. Tại thời điểm phạm tội bị cáo đã đủ 18 tuổi đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo nhận thức được hành vi dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện dẫn đến gây thương tích cho bị hại Bền với tỷ lệ thương tật là 13%, chứng tỏ bị cáo rất xem thường pháp luật. Hành vi của bị cáo L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”, quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Mặc dù, giữa bị cáo và bị hại B có mâu thuẫn không lớn nhưng bị cáo đã dùng dao một loại hung khí nguy hiểm chém vào người bị hại B dẫn đến tổn hại thương tật là 13%. Hành vi của bị cáo sử dụng hung khí nguy hiểm gây thương tích đối với sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự chung, gây bất bình trong dư luận quần chúng nên cần tuyên xử bị cáo mức án tương xứng mức độ phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6.1] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

[6.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được xem là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay, bị hại B yêu cầu bị cáo L bồi thường số tiền là 33.374.701 đồng (*Ba mươi ba triệu, ba trăm bảy mươi bốn nghìn, bảy trăm lẻ một đồng*). Trong đó: Chi phí điều trị thương tích là 9.074.701 đồng (*Chín triệu, không trăm bảy mươi bốn nghìn, bảy trăm lẻ một đồng*) và tiền ngày công lao động trong 03 (*Ba*) tháng là 24.300.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu, ba trăm nghìn đồng*). Bị cáo L đồng ý theo yêu cầu của bị hại B về việc yêu cầu bị cáo bồi thường cho bị hại B với số tiền là 33.374.701 đồng (*Ba mươi ba triệu, ba trăm bảy mươi bốn nghìn, bảy trăm lẻ một đồng*). Trong đó: Chi phí điều trị thương tích là 9.074.701 đồng (*Chín triệu, không trăm bảy mươi bốn nghìn, bảy trăm lẻ một đồng*) và tiền ngày công lao động trong 03 (*Ba*) tháng là 24.300.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu, ba trăm nghìn đồng*). Xét thấy, yêu cầu của bị hại là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo L bồi thường cho bị hại B với số tiền là 33.374.701 đồng (*Ba mươi ba triệu, ba trăm bảy mươi bốn nghìn, bảy trăm lẻ một đồng*). Trong đó: Chi phí điều trị thương tích là 9.074.701 đồng (*Chín triệu, không trăm bảy mươi bốn nghìn, bảy trăm lẻ một đồng*) và tiền ngày công lao động trong 03 (*Ba*) tháng là 24.300.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu, ba trăm nghìn đồng*).

[8] Về vật chứng: Cơ quan điều tra chỉ thu giữ 01 (*Một*) cây dao, loại dao mác, dài 52cm, có cán bằng gỗ màu nâu, dài 29cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen, dài 23cm, có một cạnh sắc bén, mũi dao nhọn. Nghĩ nên tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Trương Văn L phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trương Văn L 02 (*Hai*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/8/2023.

Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 584, 586 và Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Trương Văn L bồi thường cho bị hại Lâm Thanh B số tiền 33.374.701 đồng (*Ba mươi ba triệu, ba trăm bảy mươi bốn nghìn, bảy trăm lẻ một đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền còn phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ: Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) cây dao loại dao mác, dài 52cm, có cán bằng gỗ màu nâu, dài 29cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen, dài 23cm, có một cạnh sắc bén, mũi dao nhọn.

Căn cứ: Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Buộc bị cáo Trương Văn L nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Trương Văn L nộp 1.668.735 đồng (Một triệu, sáu trăm sáu mươi tám nghìn, bảy trăm ba mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án sơ thẩm xử công khai báo cho bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP. Trà Vinh;
- Nhà tạm giữ Công an TP. Trà Vinh;
- Chi cục THADS TP. Trà Vinh;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Nguyễn Minh Thơ**